

**Phụ lục I**  
**CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA KẾ HOẠCH**  
*(Kèm theo Kế hoạch 87/KH-UBND ngày 26/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Thụy Hùng)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
<b>I</b>	<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG</b>			
1	Trung tâm xã được phủ sóng 5G,	%	≥ 65	Phòng VHXXH theo dõi, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông
2	Trung tâm thôn được phủ sóng di động và mạng internet không còn thôn lõm sóng	%	100	Phòng VHXXH theo dõi, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	%	≥ 60	Phòng VHXXH theo dõi, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông
<b>II</b>	<b>PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC</b>			
4	Cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản	%	100	Phòng VHXXH
5	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	≥ 70	Phòng VHXXH
6	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	≥ 70	Phòng VHXXH
<b>III</b>	<b>PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ</b>			
7	Ứng dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ số (AI, IoT, Big Data...) trong quản lý môi trường, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm để phát triển kinh tế xã hội; nâng cao chất lượng sống người dân	Ứng dụng	có	
8	Số cán bộ phụ trách theo dõi khoa học và công nghệ	Cán bộ	≥ 01	Phòng VHXXH
9	Số tin bài khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo trong năm	Tin bài	≥ 4	TT Dv công ích

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
<b>IV</b>	<b>PHÁT TRIỂN CHUYÊN ĐỔI SỐ</b>			
10	Chỉ số chuyên đổi số cấp xã	Chỉ số	$\geq 70$	Phòng VHXXH
11	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính trên địa bàn xã	%	$\geq 60\%$	TT Phục vụ HCC
12	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	$\geq 80\%$	TT Phục vụ HCC
13	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	$\geq 70$	TT Phục vụ HCC
14	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	$\geq 70$	TT Phục vụ HCC
15	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	$\geq 80$	TT Phục vụ HCC
16	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	$\geq 70$	TT Phục vụ HCC
17	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông với tỉnh	%	$\geq 50$	
18	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	$\geq 30$	
19	Tỷ lệ người dân từ đủ 14 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	$\geq 70$	Công an xã
20	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	%	$\geq 2$	TTPVHCC
21	Tỷ lệ kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống họp trực tuyến...) của các khối	%	100	Văn Phòng HĐND&UBND
22	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc	%	100	Các phòng ban chuyên môn UBND xã